

Phụ lục
BÁO CÁO RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG,
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN
QUAN ĐẾN LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG SỐ 84/2015/QH13

(Kèm theo Báo cáo Tổng kết Luật An toàn, vệ sinh lao động)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan cần được thể chế hóa

1.1. Các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Luật an toàn, vệ sinh lao động

Qua rà soát cho thấy việc sửa đổi Luật An toàn, vệ sinh lao động có liên quan trực tiếp đến 14 văn kiện của Đảng thuộc 05 nhóm nội dung về hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đây là những căn cứ chính trị quan trọng cần được nghiên cứu, thể chế hóa trong quá trình xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi).

a) Nhóm chủ trương về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện thể chế và đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước:

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, trong đó yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, phân định rõ thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; yêu cầu khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ

thống văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm vận hành đồng bộ, hiệu quả mô hình tổ chức mới.

b) Nhóm chủ trương về đổi mới công tác xây dựng pháp luật, cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế tư nhân:

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng minh bạch, khả thi, chi phí tuân thủ thấp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ; đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm, ứng dụng dữ liệu và công nghệ số; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch và thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

c) Nhóm chủ trương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó xác định thể chế là điều kiện tiên quyết; dữ liệu là nguồn tài nguyên chiến lược; thúc đẩy phát triển cơ sở dữ liệu, kinh tế dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong quản trị quốc gia.

d) Nhóm chủ trương về an toàn, vệ sinh lao động, chính sách xã hội và an sinh xã hội:

Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới, trong đó yêu cầu rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; chú trọng phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó xác định nhiệm vụ bảo đảm an toàn lao động, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động và mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, trong đó yêu cầu quản lý, sử dụng các quỹ bảo hiểm theo nguyên tắc an toàn, bền vững, hiệu quả.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong đó xác định sức khỏe là vốn quý nhất của con người, là nền tảng quan trọng cho hạnh phúc của mỗi người, cho sự tồn vong của dân tộc và sự phát triển thịnh vượng, bền vững của đất nước; đồng thời yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy tập trung khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chú trọng bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục theo vòng đời.

đ) Định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới:

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển; phát triển nhanh và bền vững đất nước trên cơ sở khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo đảm an sinh xã hội; lấy con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của sự phát triển.

Các chủ trương, đường lối nêu trên là cơ sở chính trị quan trọng để nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chính sách trong dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi), bảo đảm tính thống nhất giữa chủ trương của Đảng và hệ thống pháp luật của Nhà nước.

1.2. Các nội dung cần được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

Qua rà soát cho thấy, các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động đã được thể chế hóa trong Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, nhiều chủ trương, định hướng mới của Đảng được ban hành sau khi Luật có hiệu lực hoặc đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức quản lý nhà nước, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu thể chế hóa các nội dung sau trong hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động:

a) Về hoàn thiện thể chế, đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền: Thể chế hóa các chủ trương về hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi; phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình; đổi mới phương thức quản lý nhà nước và bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương.

b) Về đổi mới công tác xây dựng pháp luật, cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế tư nhân: Thể chế hóa các chủ trương về đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ; đổi mới phương thức quản lý nhà nước; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi; khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân.

c) Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Thể chế hóa các chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý nhà nước và các hoạt động về an toàn, vệ sinh lao động.

d) Về chính sách xã hội, bảo vệ sức khỏe nhân dân và an sinh xã hội: Thể chế hóa các chủ trương về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động; phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bền vững; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; bảo đảm an sinh xã hội.

đ) Về phát triển đất nước trong giai đoạn mới: Thể chế hóa các chủ trương về phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; lấy con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của sự phát triển; phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng việc làm.

1.3. Giải pháp, phương án xử lý để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng trong dự án Luật

Trên cơ sở kết quả rà soát, việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện theo hướng bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật An toàn, vệ sinh lao động và thẩm quyền của từng loại văn bản quy phạm pháp luật.

a) Đối với các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách, nguyên tắc quản lý nhà nước; phân công, phân cấp, phân quyền; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phát triển, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu; chuyển đổi số và các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

b) Đối với các nội dung cần quy định chi tiết, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các nghị định và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật về phân công trách nhiệm, trình tự, thủ tục, điều kiện hoạt động, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu và các nội dung khác được Luật giao Chính phủ hoặc Bộ trưởng quy định.

c) Đối với các nội dung thuộc tổ chức thực hiện, tiếp tục hoàn thiện các cơ chế phối hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật ATVSLĐ

2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát:

Để phục vụ việc xây dựng dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi), cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến nội dung điều chỉnh của Luật, bao gồm:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Bộ luật Lao động;
- Luật Bảo hiểm xã hội;
- Luật Việc làm;
- Luật Tổ chức Chính phủ;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- Luật Thanh tra;
- Luật Công đoàn;
- Luật Đầu tư;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Luật Điện lực;
- Luật Hóa chất;
- Luật Xây dựng;
- Luật Dữ liệu;
- Luật Địa chất và Khoáng sản;
- Luật Năng lượng nguyên tử;
- Bộ luật Hàng hải Việt Nam;
- Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung năm 2023, 2024, 2025);
- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14;
- Các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.2. Kết quả rà soát:

Kết quả rà soát cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về cơ bản vẫn phù hợp với Hiến pháp và cơ bản bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với

các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nhiều quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động đóng vai trò là luật chuyên ngành hoặc luật khung trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, được các luật chuyên ngành dẫn chiếu hoặc cụ thể hóa để áp dụng đối với từng lĩnh vực đặc thù như xây dựng, điện lực, hóa chất, hàng hải, khoáng sản, năng lượng nguyên tử và các ngành, nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, qua rà soát cũng cho thấy một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động đã phát sinh những nội dung chưa còn phù hợp hoặc chưa được điều chỉnh đầy đủ do sự thay đổi của hệ thống pháp luật trong thời gian qua.

a) Thứ nhất, qua rà soát với Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho thấy một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động có nội dung giao nhiệm vụ, trách nhiệm hoặc xác định thẩm quyền trực tiếp cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp và các chủ thể khác theo mô hình tổ chức bộ máy trước đây. Do đó cần tiếp tục rà soát, sửa đổi để bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành, mô hình chính quyền địa phương hai cấp và nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Thứ hai, qua rà soát với Luật Thanh tra và các quy định về tổ chức bộ máy nhà nước cho thấy một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật cần được rà soát, sửa đổi để bảo đảm thống nhất với pháp luật hiện hành và phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới.

c) Thứ ba, qua rà soát với Luật Bảo hiểm xã hội cho thấy các quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cơ bản bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Tuy nhiên, một số quy định có liên quan đến đối tượng áp dụng, chế độ, chính sách và các nội dung liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cần tiếp tục được nghiên cứu, rà soát trong quá trình xây dựng dự án Luật để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

d) Thứ tư, qua rà soát với pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực như xây dựng, điện lực, hóa chất, hàng hải, địa chất và khoáng sản cho thấy một số nội dung về huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có sự tương đồng về mục tiêu quản lý và yêu cầu bảo đảm an toàn. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định chung về công nhận, thừa nhận hoặc sử dụng kết quả huấn luyện, kiểm định, đánh giá năng lực chuyên môn liên quan đã được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, cần tiếp tục rà soát, nghiên cứu hoàn thiện các quy định mang tính nguyên tắc trong Luật nhằm tạo cơ sở cho việc công nhận, thừa nhận kết quả phù hợp, hạn chế thực hiện trùng lặp, giảm chi phí tuân thủ và bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước.

đ) Thứ năm, pháp luật hiện hành về dữ liệu, chuyên đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia đã có nhiều thay đổi, trong khi Luật An toàn, vệ sinh lao động chưa

có quy định về chuyển đổi số, thông tin, dữ liệu và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động tương xứng với yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Từ kết quả rà soát nêu trên cho thấy việc sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Kiến nghị xử lý kết quả rà soát

Trên cơ sở kết quả rà soát, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động theo các định hướng sau:

a) Rà soát, sửa đổi các quy định về phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm thống nhất với Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành; đồng thời tiếp tục rà soát các quy định giao nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương theo hướng phù hợp với nguyên tắc xây dựng pháp luật và quy định của pháp luật hiện hành.

b) Rà soát, sửa đổi các quy định về thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật về thanh tra và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Rà soát, hoàn thiện các quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về bảo hiểm xã hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Nghiên cứu bổ sung các quy định mang tính nguyên tắc về công nhận, thừa nhận hoặc sử dụng kết quả huấn luyện, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, đánh giá năng lực chuyên môn và các hoạt động chuyên ngành có nội dung tương đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành, làm cơ sở để Chính phủ quy định chi tiết, góp phần hạn chế trùng lặp, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

đ) Nghiên cứu bổ sung các quy định về chuyển đổi số, thông tin, dữ liệu và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật về dữ liệu và các quy định của pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước.

e) Tiếp tục rà soát Luật An toàn, vệ sinh lao động với các luật chuyên ngành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, hạn chế chồng chéo, trùng lặp trong tổ chức thực hiện.

Bảng 1. So sánh các quy định pháp luật

TT	Các quy định pháp luật liên quan	Điều khoản tương ứng tại Luật ATVSLĐ	Đánh giá tính tương thích, sự phù hợp, tính cụ thể
I	Hiến pháp năm 2013		
1	Điều 14. “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.”	Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm ATVSLĐ “Bảo đảm quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động.”	Tương thích ATVSLĐ là một trong các đạo luật cụ thể hóa quyền con người trong lĩnh vực lao động.
2	Điều 35 “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.” : “Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.” : “Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu.”	Đã cụ thể tại nhiều điều khoản Điều 4. Chính sách của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của người lao động Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc ...	Đã cụ thể Hiến pháp Bộ cấu trúc của Luật ATVSLĐ được xây dựng trên nền tảng Điều 35 Hiến pháp. Mở rộng hơn đến khu vực khác
3	Điều 38. “Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe...” : “Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác...”	Điều 6. Quyền của người lao động: Có quyền từ chối công việc nguy hiểm. Điều 16. Trách nhiệm của NSDLĐ: ...phải bảo đảm điều kiện lao động an toàn.	Tương thích ATVSLĐ bảo vệ sức khỏe NLĐ thông qua phòng ngừa TNLĐ và BNN.

4	Điều 43. “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành...”	Các quy định kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, trách nhiệm của người sử dụng lao động: Điều 7, Điều 16, Điều 18...	Tương thích Luật ATVSLĐ là một bộ phận của quyền môi trường sống an toàn.
5	Điều 57. “Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động...”	Điều 4. Chính sách của Nhà nước về ATVSLĐ (<i>Nhà nước có chính sách đầu tư, hỗ trợ phòng ngừa TNLD, BNN</i>) Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động (<i>Bảo đảm quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động.</i>) Điều 6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động Điều 7. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động...	Đã cụ thể hóa Hiến pháp đặt trách nhiệm chủ động của Nhà nước trong bảo vệ NLĐ.
6	Điều 59. “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội...”	Chương IV. Bảo hiểm TNLD, BNN	Đã cụ thể hóa Bảo hiểm TNLD, BNN là công cụ thực hiện an sinh xã hội trong lao động; chi trả chế độ.
II	Bộ luật Lao động 2019		
1	Điều 2 (Đối tượng áp dụng) 1. Người lao động, người học nghề, người tập nghề	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao	Cách gọi cũ căn cứ Bộ luật Lao động năm 2014;

	và người làm việc không có quan hệ lao động. 2. Người sử dụng lao động. 3. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động	động; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động. 2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân. 3. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động. 4. Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. 5. Người sử dụng lao động. 6. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động. Những người quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này sau đây gọi chung là người lao động.	Đề nghị: Điều chỉnh để thống nhất
2	Điểm b khoản 1 Điều 5: Quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động	Điểm a Khoản 1 Điều 6 “Được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, vệ sinh lao động...”	Tương thích BLLĐ xác lập quyền cơ bản; Luật ATVSLĐ cụ thể hóa nội dung bảo đảm ATVSLĐ.
3	Điểm d khoản 2 Điều 6: Nghĩa vụ của người sử dụng lao động: Thực hiện	Khoản 2 Điều 7; Điều 16 Quy định trách nhiệm của NSDLĐ về ATVSLĐ.	Tương thích Luật ATVSLĐ quy định cụ thể trách

	quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, BHXH, BHYT, BHTN và ATVSLĐ		nhiệm quản trị ATVSLĐ tại nơi làm việc.
4	Khoản 1 Điều 68 , về nội dung thương lượng tập thể: “Biện pháp bảo đảm việc làm, an toàn, vệ sinh lao động...”	Điều 10 về Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động 1. Tham gia với người sử dụng lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động. 2. Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn, vệ sinh lao động trong thỏa ước lao động tập thể; có trách nhiệm giúp đỡ người lao động khiếu nại, khởi kiện khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm....	Tương thích Luật ATVSLĐ đã cụ thể các nội dung trong thương lượng
5	Khoản 3 Điều 105 “Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm giới hạn thời gian làm việc tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đúng theo quy chuẩn kỹ	Điều 25. Thời giờ làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại 1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm thời gian tiếp xúc với yếu tố nguy	Bộ luật Lao động quy định chung, không phân biệt đối tượng. Kiến nghị: Sửa Khoản 2 Điều 25

	thuật quốc gia và pháp luật có liên quan.”	hiểm, yếu tố có hại của người lao động nằm trong giới hạn an toàn được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và các quy định của pháp luật có liên quan. 2. Thời giờ làm việc đối với người lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.	
6	Điều 132. Tuân thủ pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động “Người sử dụng lao động, người lao động và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lao động, sản xuất, kinh doanh phải thực hiện quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.”	Điều 4; Điều 6; Điều 7	Tương thích hoàn toàn. (dẫn chiếu trực tiếp sang Luật ATVSLĐ)
7	Điều 133. Chương trình an toàn, vệ sinh lao động 1. Chính phủ quyết định Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Chương trình an toàn, vệ sinh lao động của địa phương và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	- Khoản 1 Điều 84. 1. Chủ trì xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, kế hoạch về an toàn, vệ sinh lao động, chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động ; lập hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.	Cơ bản tương thích. Kiến nghị: Cần sửa toàn diện để phù hợp Luật Tổ chức Chính phủ và mô hình CQĐP 02 cấp

		- Điểm b Khoản 2 Điều 91. (Cơ chế phối hợp về an toàn, vệ sinh lao động) b) Xây dựng chương trình, hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động;	
8	Điều 134. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc 1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. 2. Người lao động có trách nhiệm chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.	Điều 15; Điều 16; Điều 18; Điều 31	Tương thích Bộ luật Lao động quy định nguyên tắc kỹ thuật; Luật ATVSLĐ quy định cơ chế kiểm soát cụ thể.
9	Điều 135, 136, 137, 138 Quy định về lao động nữ, bảo vệ thai sản, điều kiện lao động, quyền của lao động nữ mang thai.	Điều 63. An toàn, vệ sinh lao động đối với lao động nữ, lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật “Những quy định về an toàn, vệ sinh lao động đối với lao động nữ, lao động chưa thành	Tương thích vì Luật ATVSLĐ dẫn chiếu trực tiếp sang BLLĐ. (BLLĐ là luật quy định nội dung chính; Luật ATVSLĐ đóng vai trò luật chuyên ngành bổ trợ.)
10	Điều 143 đến 147: Quy định lao động chưa thành niên; công việc cấm; thời giờ làm việc; khám sức khỏe.		

11	Điều 159, 160 Quy định điều kiện lao động đối với người khuyết tật.	niên, lao động là người khuyết tật thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật người khuyết tật và Luật này.	
12	Khoản 3 Điều 149 Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn.	Điều 64. Điều kiện sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	Tương thích vì Luật ATVSLĐ quy định cụ thể hơn nhiều so với BLLĐ.
13	Điều 52 đến 58 Quy định cho thuê lại lao động.	Điều 65. An toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp cho thuê lại lao động	Tương thích Luật ATVSLĐ mở rộng và cụ thể hóa trách nhiệm ATVSLĐ trong quan hệ cho thuê lại lao động mà BLLĐ chưa quy định sâu.
14	Điều 150 đến 159 quy định liên quan NLĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Điều 67. An toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Tương thích Luật ATVSLĐ cụ thể hơn (về điều tra TNLĐ; chế độ bảo hiểm TNLĐ, BNN; trách nhiệm báo cáo).
15	Điều 161 Quy định lao động giúp việc gia đình.	Điều 68. An toàn, vệ sinh lao động đối với lao động là người giúp việc gia đình	Tương thích Luật ATVSLĐ đi sâu vào khía cạnh an toàn nghề nghiệp trong gia đình; BLLĐ thiên về quan

			hệ lao động và quyền nhân thân.
16	BLLĐ 2019 chưa điều chỉnh đầy đủ hình thức làm việc tại nhà ngoài phạm vi quan hệ lao động truyền thống.	Điều 69 Quy định ATVSLĐ đối với người nhận công việc về làm tại nhà; trách nhiệm NSDLĐ kiểm tra điều kiện ATVSLĐ; trách nhiệm giải quyết TNLĐ.	Đây là quy định mở rộng rất quan trọng của Luật ATVSLĐ. BLLĐ chưa bao phủ đầy đủ lao động làm việc tại nhà.
17	Điều 61. Học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động	Điều 70. An toàn, vệ sinh lao động đối với học sinh, sinh viên, người học nghề, tập nghề, thử việc	Tương thích Luật ATVSLĐ quy định sâu hơn về trách nhiệm ATVSLĐ và hỗ trợ khi xảy ra TNLĐ.
III	Luật Bảo hiểm xã hội		
1	Về đối tượng: Điều 2. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện Điểm b Khoản 1 Điều 139: “Khoản 1 Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Mục này là người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, i và l khoản 1 Điều 2 và người sử dụng lao động quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.”;	Điều 43. Đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 1. Đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Mục này là người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, i và l khoản 1 Điều 2 và người sử dụng lao động quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.”;	Về cơ bản là thống nhất. Tuy nhiên, do bảo hiểm tự nguyện không bao gồm tất cả những người không tham gia BHXH bắt buộc nên không điều chỉnh 02 nhóm đối tượng sau (cả bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện về tai nạn lao động): - Người lao động hợp đồng lao động dưới 01 tháng; - Người đang hưởng lương hưu nhưng vẫn ký hợp đồng lao động

			Kiến nghị: Bổ sung quy định trong 01 Luật; bổ sung quy định điều chỉnh đối với các 02 nhóm đối tượng trên
2	Điểm a, c, d, đ, e Khoản 1 Điều 139 a) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 42 c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 44 như sau: “b) Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ theo quy định tại Điều 120 và Điều 121 của Luật Bảo hiểm xã hội;” d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 49 như sau: “3. Việc tạm dừng, hưởng tiếp trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng, trợ cấp phục vụ thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Bảo hiểm xã hội; hồ sơ, trình tự giải quyết hưởng tiếp trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng thực hiện theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 của Luật Bảo hiểm xã hội.”; đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 49 như sau: “5. Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh	Điều 42. Sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp Điều 44. Mức đóng, nguồn hình thành Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp Điều 49. Trợ cấp hằng tháng Điều 53. Trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Tương thích

	nghề nghiệp hằng tháng khi ra nước ngoài để định cư được giải quyết hưởng trợ cấp một lần; mức trợ cấp một lần bằng 03 tháng mức trợ cấp đang hưởng. Hồ sơ, trình tự giải quyết trợ cấp một lần thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.”; e) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 như sau: “3. Người lao động bị chết trong thời gian điều trị thương tật, bệnh tật mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất trong trường hợp người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Bảo hiểm xã hội.”.		
3	Tiền lương làm căn cứ hưởng các chế độ: Chuyển từ “mức lương cơ sở” sang “mức tham chiếu”.	Tiền lương làm căn cứ hưởng các chế độ: Vẫn là mức lương cơ sở	Chưa tương thích Kiến nghị: Chọn một trong 02 phương án: mức tham chiếu hoặc mức lương tối thiểu
4	Khoản 15 Điều 141: Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển tiếp.	Không có	Cần nghiên cứu bổ sung
IV	Luật Tổ chức Chính phủ		

1	Điều 6 3. Chính phủ hướng dẫn chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; chính quyền địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; 4. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực; thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách thành viên Chính phủ và với tư cách người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ; 5. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ; lãnh đạo công tác của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao, không quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đối với ngành, lĩnh vực theo phân công của Chính phủ. Trường hợp cần thiết,	Phân công cho các Bộ có 27 Điều sau: - Khoản 6 Điều 14 - Khoản 2 Điều 22 - Khoản 4 Điều 23 - Khoản 3 Điều 24 - Khoản 2 Điều 28 - Điều 33 - Khoản 3 Điều 35 - Khoản 3, 4 và 5 Điều 36; - Khoản 1,3, 4 Điều 37 - Khoản 11 Điều 38 - Khoản 5 Điều 39 - Khoản 2 Điều 40 - Khoản 3 Điều 48 - Khoản 2 Điều 51 - Khoản 4 Điều 57 - Khoản 4 Điều 58 - Điểm b khoản 1 Điều 64 - Khoản 3 Điều 68 - Khoản 4 Điều 77 - Khoản 3 Điều 80 - Khoản 2 Điều 81 - Khoản 2 Điều 83 - Điều 84 - Khoản 5, 8, 9 và 10 Điều 85 - Điều 87 - Khoản 1 và 2 Điều 88	Chưa tương thích Kiến nghị: Sửa đổi về phân công trách nhiệm của các Bộ theo hướng không quy định chi tiết trong Luật theo chỉ đạo của Chính phủ.
---	---	---	---

	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương; 6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền quy định tại Luật này, quy định về phân quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác có liên quan;	- Điểm a Khoản 1 Điều 91	
V	Luật Tổ chức chính quyền địa phương		
1	Khoản 1 Điều 1 “1. Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã)”	Một số điều khoản vẫn quy định cấp huyện - Khoản 1 Điều 34 - Khoản 2 Điều 35 - Khoản 2 Điều 36	Chưa tương thích Kiến nghị: Sửa các điều khoản liên quan.
2	Khoản 5 Điều 4: “Những công việc thuộc thẩm quyền của chính quyền	Một số quy định giao cho Sở	Chưa tương thích Kiến nghị: Đánh giá các nội dung và kết

	địa phương phải do chính quyền địa phương quyết định và tổ chức thực hiện; phát huy vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Khoản 6 Điều 4: Phân định rõ thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương; giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã.”	Khoản 2 Điều 30: ...phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ... Khoản 2 Điều 35: Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh gồm có đại diện của Thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Sở Y tế, đại diện Liên đoàn Lao động cấp tỉnh và một số thành viên khác. Khoản 2 Điều 36: ... báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 của Luật này với Ủy ban nhân dân cấp huyện ... Khoản 2 Điều 88: Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, bao gồm đại diện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Liên đoàn Lao động, Hội	quả phân cấp, giao cho UBND cấp tỉnh hoặc giao cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
--	--	--	--

		nông dân, một số doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và chuyên gia, nhà khoa học về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương.	
VI	Luật Thanh tra		
1	Điều 7. Hệ thống cơ quan thanh tra gồm: 1. Thanh tra Chính phủ; 2. Thanh tra tỉnh; 3. Cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 4. Cơ quan thanh tra Cơ yếu; 5. Cơ quan thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Theo đó, Không còn Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở, Thanh tra huyện.	Khoản 1 Điều 89: Thanh tra an toàn, vệ sinh lao động là thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về lao động cấp trung ương và cấp tỉnh. Các điều giao Thanh tra chuyên ngành ATVSLĐ: Điểm e Khoản 2 Điều 7; Khoản 2 và 4 Điều 35; Điểm c Khoản 3 Điều 67; Điểm đ Khoản 4 Điều 74.	Không tương thích Kiến nghị: rà soát để phù hợp Luật Thanh tra 2025.
VII	Luật Khám bệnh chữa bệnh năm 2023		
	Quy định cụ thể các hoạt động khám bệnh chữa bệnh: Khám sức khỏe (Điều 83); Phục hồi chức năng (Điều 68); hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Điều 21, 27, Điều 37 đến 42 Luật ATVSLĐ.	Tương thích Luật KBCB là cơ sở thực hiện khám sức khỏe, quản lý thông tin sức khỏe, khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người lao động, người mắc bệnh nghề nghiệp. Kiến nghị: có thể nghiên cứu bổ sung cơ chế quản lý, chia

			sẽ dữ liệu sức khỏe người lao động phục vụ công tác ATVSLĐ.
VIII	Luật Đầu tư và các Nghị Quyết của Chính phủ có liên quan		
	- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ: bỏ “kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” ra khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026, sửa Điều 14 và Điều 30 Luật An toàn, vệ sinh lao động		Chưa đồng bộ Kiến nghị: Sửa Điều 14 và Khoản 2 Điều 30 để bảo đảm đồng bộ
IX	Luật Công đoàn (2024)		
1	Điều 11 (Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động) “5. Tham gia xây dựng, ban hành và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng; nội quy lao động; kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; 14. Quản lý, hướng dẫn hoạt động của mạng lưới	- Điều 9. Quyền, trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác an toàn, vệ sinh lao động - Điều 10. Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động - Khoản 1 Điều 74 (An toàn, vệ sinh viên) “1. Mỗi tổ sản xuất trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có ít nhất một an toàn,	Tương thích Luật ATVSLĐ hiện hành đã quy định tương đối đầy đủ quyền tham gia, giám sát và kiến nghị của Công đoàn trong việc xây dựng, thực hiện các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, bao gồm cả các hoạt động liên quan đến nhận diện nguy cơ và phòng ngừa rủi ro tại nơi làm việc.

	an toàn, vệ sinh viên, tham gia điều tra tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.	vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc. Người sử dụng lao động ra quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên sau khi thống nhất ý kiến với Ban chấp hành công đoàn cơ sở nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thành lập Ban chấp hành công đoàn cơ sở”	
2	Điều 12. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội 1. Tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động ... 4. Thực hiện quyền và trách nhiệm của Công đoàn trong công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.	- Khoản 3 Điều 75 “3. Thành phần của Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở bao gồm: a) Đại diện người sử dụng lao động làm Chủ tịch Hội đồng; b) Đại diện của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động nơi chưa có tổ chức công đoàn làm Phó Chủ tịch Hội đồng; c) Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở sản xuất, kinh doanh là ủy viên” thường trực kiêm thư ký Hội đồng; d) Người làm công tác y tế ở cơ sở sản xuất, kinh doanh;	
3	Điều 15. Tham gia kiểm tra, thanh tra hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp 1. Công đoàn có trách nhiệm tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, cán bộ, công chức, viên chức, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao		

	động và chế độ, chính sách, pháp luật khác có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động. 3. Khi tham gia kiểm tra, thanh tra, đại diện Công đoàn có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quyền, trách nhiệm sau đây: ... c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động trong trường hợp phát hiện nơi làm việc có yếu tố có hại hoặc yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng người lao động.	đ) Các thành viên khác có liên quan. Thành phần của Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở phải bảo đảm tỷ lệ thành viên nữ tham gia phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới, điều kiện thực tế ở cơ sở sản xuất, kinh doanh.	
4	Điều 16. Giám sát của Công đoàn 3. Hoạt động chủ trì giám sát của Công đoàn mang tính xã hội, bao gồm việc theo dõi, phát hiện, xem xét, đánh giá, kiến nghị trong xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo		

	hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động, thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở và chế độ, chính sách, pháp luật khác có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tổ chức Công đoàn.		
X	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025)		
1	Khoản 1, 3, 4 Điều 32. 1. Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đánh giá tác động, lấy ý kiến rộng rãi, thông báo Ban thư ký của Tổ chức Thương mại thế giới; tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi ban hành đối với trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật bằng hình thức văn	Điều 87 1. Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và công bố tiêu chuẩn quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan tổ chức lập kế hoạch xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động	Không hoàn toàn tương thích Nội dung tại Điều 87 đã có sự chồng lấn và quy định chi tiết về quy trình lập kế hoạch, xây dựng, phối hợp, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật, trong khi các nội dung này đã được quy định thống nhất tại Điều 32 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Kiến nghị cần nghiên cứu sửa đổi Điều 87 theo hướng chỉ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; việc xây dựng, thẩm định, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo pháp luật

	bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	trong phạm vi quản lý được Chính phủ phân công sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trường hợp không thống nhất ý kiến, cơ quan chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định Việc thẩm định tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật....	về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
XI	Luật Điện lực (2024)		
1	Khoản 2 Điều 4: “An toàn điện là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm ngăn chặn các tác động có hại và bảo đảm an toàn đối với con người, trang thiết bị, công trình trong quá trình sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng điện.	Khoản 2 Điều 3 Luật ATVSLĐ: “An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.”	Tương thích Luật Điện lực điều chỉnh chuyên ngành điện, Luật ATVSLĐ điều chỉnh chung đối với người lao động.
2	Khoản 1 Điều 69 1. Người trực tiếp thực hiện công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý,	Điều 14 2. Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao	Tương thích Tuy nhiên, đối với một số đối tượng, có thể phải tham gia

	vận hành hệ thống điện, công trình điện lực; kiểm định thiết bị, dụng cụ điện và công việc khác liên quan trực tiếp đến hệ thống điện phải được huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện.	động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này ... 5. Việc huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Điều này phải phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề, vị trí công việc, quy mô lao động và không gây khó khăn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cơ sở sản xuất, kinh doanh, người sử dụng lao động chủ động tổ chức huấn luyện riêng về an toàn, vệ sinh lao động hoặc kết hợp huấn luyện các nội dung về an toàn, vệ sinh lao động với huấn luyện về phòng cháy, chữa cháy hoặc nội dung huấn luyện khác được pháp luật chuyên ngành quy định	đồng thời cả 02 chương trình huấn luyện, trong khi nội dung có phần trùng lặp, làm tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người lao động. Kiến nghị: Nghiên cứu cơ chế công nhận, liên thông hoặc tích hợp một phần nội dung giữa huấn luyện ATVSLĐ và huấn luyện an toàn điện đối với các nội dung tương đồng nhằm giảm trùng lặp trong huấn luyện, sát hạch, cấp chứng chỉ, thẻ và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, người lao động.
XII	Luật Hóa chất (2025)		
1	Điều 33. Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất “3. Người lao động có liên quan đến hoạt động hóa chất phải được huấn	Điều 14 (Huấn luyện ATVSLĐ) Điều 23 (Phương tiện bảo vệ cá nhân).	Tương thích Luật Hóa chất là luật chuyên ngành đối với hoạt động hóa chất; Luật ATVSLĐ

	luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất và trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp với nhiệm vụ được phân công”		là luật khung về bảo vệ người lao động.
2	Điều 36. Huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải định kỳ huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất cho người lao động. 2. Việc huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất thực hiện theo quy định của Luật này, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Chính phủ quy định chi tiết về đối tượng, nội dung, thời lượng huấn luyện và năng lực của người huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất.	Điều 14. Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động Quy định người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động, người quản lý, người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.	Tương thích Luật Hóa chất đã dẫn chiếu trực tiếp đến Luật ATVSLĐ, thể hiện chủ trương áp dụng đồng thời hai luật. Tuy nhiên đối với cùng một người lao động làm việc với hóa chất nguy hiểm có thể phải tham gia nhiều chương trình huấn luyện bắt buộc khác nhau (ATVSLĐ, an toàn hóa chất, PCCC). Kiến nghị: nghiên cứu cơ chế liên thông, công nhận một phần nội dung huấn luyện tương đồng để giảm chi phí tuân thủ.
3	Điều 37. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Điều 19. Biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng và ứng cứu khẩn cấp	Tương thích Luật Hóa chất quy định chuyên sâu đối với sự cố hóa chất; Luật ATVSLĐ quy định chung đối với mọi loại sự cố ảnh

			hưởng đến an toàn người lao động. Tuy nhiên cùng một cơ sở hóa chất có thể phải xây dựng đồng thời Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và Phương án ứng cứu khẩn cấp theo ATVSLĐ.
4	An toàn lao động trong các điều, khoản: - Khoản 4 Điều 12: “Trong trường hợp không xuất khẩu, tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện tiêu hủy hóa chất cấm theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan” - Khoản 1 Điều 16: “1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hóa chất phải xử lý chất thải, bao bì, thiết bị chứa hóa chất thải bỏ từ hoạt động hóa chất và các vật dụng khác có liên quan đến quá trình sử dụng có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại dễ gây ô nhiễm môi trường và các đặc tính nguy hại khác theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn	Toàn bộ hệ thống quy định của Luật ATVSLĐ.	Tương thích Đây là điều khoản dẫn chiếu trực tiếp, thể hiện quan hệ hỗ trợ giữa Luật Hóa chất và Luật ATVSLĐ.

	lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan” - Điều 43. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ quy định về an toàn hóa chất theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.		
XIII	Luật Xây dựng (2025)		
1	Khoản 4 Điều 5: “Bảo đảm an toàn, chất lượng, tính mạng, sức khỏe con người và không gây thiệt hại đến tài sản của tổ chức, cá nhân khác; bảo đảm tuân thủ quy định về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường.”	Điều 5 Luật ATVSLĐ: Nguyên tắc bảo đảm ATVSLĐ; phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; ưu tiên loại trừ, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.	Tương thích Cùng mục tiêu bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người trong hoạt động lao động và xây dựng.
2	Khoản 5 Điều 15 (Các hành vi bị nghiêm cấm): “Vi phạm quy định về an toàn lao động, tài sản, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường trong xây dựng.	Điều 7 Luật ATVSLĐ: Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm ATVSLĐ; Điều 18, Điều 19 quy định kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp.	Tương thích Luật Xây dựng đặt ra hành vi bị nghiêm cấm; Luật ATVSLĐ quy định các nghĩa vụ cụ thể để bảo đảm thực hiện yêu cầu đó.
3	Khoản 3 Điều 50: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn riêng đối với	Chương II. Luật ATVSLĐ	Tương thích Luật Xây dựng yêu cầu cụ thể hơn

	những hạng mục công trình, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng cháy và chữa cháy.		
4	Điểm c khoản 1 Điều 10 về bảo hiểm trong hoạt động xây dựng: Bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba do nhà thầu thi công xây dựng mua	Chương III Luật ATVSLĐ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	Không mâu thuẫn Bổ trợ cho nhau; Luật Xây dựng bổ sung cơ chế bảo hiểm thương mại trong hoạt động xây dựng ngoài chế độ bảo hiểm TNLĐ, BNN.
5	Điều 51. An toàn trong thi công xây dựng công trình 1. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong quá trình thi công xây dựng công trình; bảo vệ môi trường; phòng cháy và chữa cháy. .	Khoản 1 Điều 7: Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm nơi làm việc đáp ứng yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, rung động và các yếu tố có hại khác; Điều 18, Điều 19 về kiểm soát	Tương thích Luật Xây dựng dẫn chiếu trực tiếp trách nhiệm bảo đảm ATVSLĐ trong hoạt động thi công xây dựng.
	2. Chủ đầu tư phải tổ chức giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn của nhà thầu thi công xây dựng; tạm dừng hoặc đình chỉ thi công khi phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định về an toàn, có sự cố gây mất an toàn công trình; phối hợp với các nhà thầu xử lý, khắc phục khi xảy ra sự cố hoặc tai	yếu tố nguy hiểm, xử lý sự cố. Điều 34, Điều 35, Điều 36 Luật ATVSLĐ về khai báo, điều tra tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ nghiêm trọng.	Tương thích Luật Xây dựng bổ sung trách nhiệm riêng của chủ đầu tư trong công trình xây dựng, trong khi Luật ATVSLĐ quy định cơ chế điều tra, khai báo TNLĐ.

	nạn lao động; thông báo, phối hợp kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra sự cố công trình, tai nạn lao động gây chết người.		
	3. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; tổ chức lập, trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; rà soát biện pháp bảo đảm an toàn định kỳ, đột xuất để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thi công trên công trường.	Khoản 1 Điều 18: Người sử dụng lao động phải đánh giá, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; Điều 19 về biện pháp phòng ngừa, ứng cứu khẩn cấp.	Tương thích Đây thực chất là hình thức đánh giá nguy cơ, kiểm soát rủi ro đặc thù trong thi công xây dựng. Luật Xây dựng cụ thể hóa yêu cầu của Luật ATVSLĐ đối với lĩnh vực xây dựng
	4. Trường hợp giới hạn của vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình nằm ngoài phạm vi của công trường xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng biện pháp bảo đảm an toàn đã được chấp thuận để kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng.	Không có quy định tương đương	Không mâu thuẫn Luật xây dựng bổ sung chuyên ngành. Quy định này nhằm bảo vệ cộng đồng, công trình lân cận, không phải chỉ người lao động.
	5. Máy, thiết bị, vật tư phục vụ thi công xây dựng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải được	Khoản 1 Điều 31: Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ phải	Tương thích Luật Xây dựng sử dụng chính hệ thống kiểm định của Luật

	kiểm định trước khi đưa vào sử dụng	được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng; Khoản 2 Điều 28 về Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	ATVSLĐ, không thiết lập cơ chế kiểm định riêng.
XIV	Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015		
1	Điều 51 (Trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền bộ): Bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt của thuyền viên trên tàu biển theo quy định của pháp luật.	Khoản 1 Điều 7 Luật ATVSLĐ: người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm điều kiện lao động an toàn cho người lao động.	Tương thích
2	Điều 70. Khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp 2. Việc điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động hàng hải, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, an toàn lao động. ...	Điều 34, 35 và 36	Tương thích Bộ luật Hàng hải quy định cụ thể cơ quan tiếp nhận khai báo trong lĩnh vực hàng hải; Luật ATVSLĐ quy định nguyên tắc chung về khai báo tai nạn lao động. Kiến nghị: bổ sung hàng hải vào nhóm lĩnh vực đặc thù về điều tra tai nạn lao động
3	Điều 71. Phòng ngừa tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp 1. Chủ tàu có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các biện pháp phù hợp với	Điều 14	Tương thích Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 cụ thể trách nhiệm của Chủ tàu về việc phòng chống TNLĐ,

	quy định hiện hành về an toàn, vệ sinh lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp cho thuyền viên, bao gồm: a) Hướng dẫn, tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho thuyền viên trước khi giao nhiệm vụ trên tàu biển hoặc khi giao công việc khác hoặc công việc có mức độ rủi ro cao hơn; b) Huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật;		BNN theo Luật An toàn, vệ sinh lao động. Có sự tương đồng về tổ chức tự quản ATVSLĐ. Tuy nhiên Bộ luật Hàng hải thiết lập mô hình Ban an toàn lao động riêng cho tàu biển.
	c) Kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại; đề ra biện pháp loại trừ, giảm thiểu mỗi nguy hiểm, có hại; cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho thuyền viên;	Khoản 1 Điều 18: Đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.	Tương thích Dẫn chiếu trực tiếp, không chồng chéo.
	d) Phân định trách nhiệm cụ thể cho thuyền viên về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trên tàu;	Khoản 1 Điều 7, Điều 6 Luật ATVSLĐ về trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động.	Tương thích
	<i>đ) Đối với tàu có từ năm thuyền viên trở lên, phải thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban an toàn lao động</i>	Điều 72. Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động	Tương thích Bộ luật Hàng hải cụ thể hơn
	e) Trang bị đầy đủ và hướng dẫn việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân, bảo hộ lao động và các thiết bị khác để phòng	Điều 23	Tương thích

	ngừa tai nạn cho thuyền viên. Trang thiết bị bảo vệ cá nhân phải bảo đảm chất lượng theo quy định;		
	g) Bảo đảm các loại máy, thiết bị, vật tư trên tàu có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng và phải được kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng theo quy định của pháp luật;	Khoản 1 Điều 31 Luật ATVSLĐ; Khoản 2 Điều 28 về danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.	Tương thích
	h) Bảo đảm người không có nhiệm vụ không được tiếp cận những khu vực trên tàu có ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn;	Điều 18, Điều 19 Luật ATVSLĐ.	Tương thích <i>Biện pháp kiểm soát nguy cơ chuyên ngành hàng hải.</i>
	i) Xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp đối với tai nạn lao động hàng hải liên quan đến thuyền viên và tổ chức diễn tập hàng năm.	Điều 19 Luật ATVSLĐ về xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp	Tương thích
	2. Chủ tàu có trách nhiệm mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu và tham gia bảo hiểm bắt buộc theo quy định cho thuyền viên trong quá trình làm việc trên tàu biển.	Chương III Luật ATVSLĐ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	Tương thích Bổ sung chế độ bảo hiểm chuyên ngành hàng hải, không mâu thuẫn
	3. Thuyền trưởng có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra thường xuyên và định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động của thuyền viên do chủ	Khoản 1 Điều 7 Luật ATVSLĐ.	Tương thích

	tàu lập ra; khắc phục các điều kiện mất an toàn trên tàu và báo cáo chủ tàu.		
	4. Thuyền viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động do chủ tàu lập ra.	Điều 6 Luật ATVSLĐ.	Tương thích
4	- Khoản 1 Điều 47: “Việc phá dỡ tàu biển phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.	Điều 6 Luật ATVSLĐ: nghĩa vụ của người lao động trong chấp hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.	Tương thích.
XV	Luật Dữ liệu 2024		
1	Các điều khoản quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước; trong đó: - <i>Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia</i> là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác. - Mục 2 của Luật quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	- Khoản 5 Điều 35: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về an toàn lao động trong phạm vi cả nước. - Khoản 4 Điều 37: Bộ Y tế tổ chức, hướng dẫn việc thu	Chưa tương thích đầy đủ. Luật ATVSLĐ chưa quy định đầy đủ về việc hình thành cơ sở dữ liệu lĩnh vực ATVSLĐ. Kiến nghị: Rà soát, bổ sung quy định về chuyển đổi số, dữ liệu ATVSLĐ.

		thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình bệnh nghề nghiệp; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về phòng, chống bệnh nghề nghiệp; tổ chức điều tra bệnh nghề nghiệp. - Điều 81. Thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
XVI	Luật Địa chất và Khoáng sản 2024	-	
1	Điều 60. An toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, người làm việc tại mỏ phải thực hiện quy định về ATVSLĐ theo Luật này, pháp luật về ATVSLĐ và pháp luật có liên quan.	Toàn bộ Luật ATVSLĐ	Tương thích Điều khoản dẫn chiếu trực tiếp áp dụng Luật ATVSLĐ.
2	Điểm a khoản 2 Điều 60: Nhân sự quản lý, điều hành sản xuất phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản.	Điều 14 (Huấn luyện ATVSLĐ)	Tương thích Đây là các nội dung huấn luyện chuyên ngành khoáng sản
3	Điểm b khoản 2 Điều 60: Thiết bị, phương tiện khai thác phải bảo đảm an toàn; mỏ hầm lò phải phù hợp mức độ nguy hiểm do khí cháy, nổ.	Điều 18 (Kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại); Điều 31 (Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động)	Tương thích Luật chuyên ngành quy định sâu hơn đối với nguy cơ khí cháy nổ, bụi khí, bụi nước trong mỏ.

4	Điểm c khoản 2 Điều 60: Lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro.	Điều 18 (Đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại); Điều 19 (Xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp)	Tương thích Đây là nội dung mới và cụ thể hơn Luật ATVSLĐ.
5	Điểm d khoản 2 Điều 60: Có đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách tại mỏ.	Điều 19 (Ứng cứu khẩn cấp)	Tương thích Luật ATVSLĐ mới quy định chung về ứng cứu khẩn cấp.
6	Khoản 3 Điều 60: Quy định thời điểm phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro đối với mỏ hầm lò.	Điều 18; Điều 19	
7	Khoản 4 Điều 60: Khi có nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ phải áp dụng ngay biện pháp loại trừ nguyên nhân.	Khoản 1 Điều 19	
8	Khoản 5 Điều 60: Khi xảy ra sự cố phải áp dụng biện pháp khẩn cấp, cấp cứu, sơ tán người lao động.	Điều 19; Điều 34	
9	Khoản 6 Điều 60: Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hỗ trợ cấp cứu, khắc phục hậu quả sự cố.	Điều 19	Tương thích Bổ sung cụ thể trách nhiệm hỗ trợ trong lĩnh vực khai khoáng.
10	Khoản 7 Điều 60: Chế độ báo cáo tai nạn lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; báo cáo sự cố mất an toàn lao động.	Điều 34, Điều 35, Điều 36	Tương thích
XVII	Luật Khám bệnh chữa bệnh năm 2023		

1	Quy định cụ thể các hoạt động khám bệnh chữa bệnh: Khám sức khỏe (Điều 83); Phục hồi chức năng (Điều 68); hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Điều 21, 27, Điều 37-42 Luật ATVSLĐ.	Tương thích Luật KBCB là cơ sở thực hiện khám sức khỏe, quản lý thông tin sức khỏe, khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người lao động, người mắc bệnh nghề nghiệp. Kiến nghị: có thể nghiên cứu bổ sung cơ chế quản lý, chia sẻ dữ liệu sức khỏe người lao động phục vụ công tác ATVSLĐ.
XVIII	Luật Năng lượng nguyên tử (2025)		
1	Điểm a khoản 1 Điều 18: <i>"Kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp là kiểm soát liều chiếu xạ đối với nhân viên bức xạ khi tiến hành công việc bức xạ."</i>	Điều 18 (Kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc) Khoản 1 Điều 25. 1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm thời gian tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại của người lao động nằm trong giới hạn an toàn được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và các quy định của pháp luật có liên quan.	Tương thích
2	Điểm đ khoản 1 Điều 25: <i>"Bảo đảm điều kiện làm"</i>	Điều 14 (Huấn luyện ATVSLĐ); Điều 21	Tương thích

	việc an toàn, tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, đào tạo an toàn bức xạ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và theo dõi liều chiếu xạ đối với nhân viên bức xạ."	(Chăm sóc sức khỏe người lao động); Điều 37-42 (Bệnh nghề nghiệp)	Luật NLNT quy định đầy đủ chu trình quản lý sức khỏe nghề nghiệp đối với nhân viên bức xạ gồm huấn luyện, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và theo dõi liều chiếu xạ.
3	Khoản 3 Điều 25 (Trách nhiệm của nhân viên bức xạ) bao gồm: ...Sử dụng thiết bị theo dõi liều chiếu xạ và phương tiện bảo vệ khi tiến hành công việc bức xạ, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp theo chỉ dẫn của người phụ trách an toàn bức xạ; từ chối làm việc khi điều kiện bảo đảm an toàn không đầy đủ, trừ trường hợp tham gia khắc phục sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; Báo cáo ngay cho người phụ trách an toàn bức xạ khi có hiện tượng bất thường về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân trong quá trình tiến hành công việc bức xạ; Thực hiện biện pháp khắc phục sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân theo kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân hoặc	Điều 6 (Nghĩa vụ người lao động); Điều 21; Điều 23 (Phương tiện bảo vệ cá nhân) Điều 19 (Xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp)	Tương thích Luật NLNT quy định chuyên sâu hơn về ứng phó sự cố nguy cơ cao. Luật ATVSLĐ chỉ quy định nguyên tắc chung về ứng cứu khẩn cấp.

	theo chỉ dẫn của người được chỉ định bởi người đứng đầu tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.		
XIX	Một số Luật trong lĩnh vực giao thông vận tải		
	- Các quy định về tiêu chuẩn chức sức khỏe của nhân viên đường sắt (Khoản 2 Điều 48 Luật Đường sắt 2025); người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Khoản 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024); nhân viên hàng không, tổ bay (Điều 88, 89 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2025)	Điều 21 (Khám sức khỏe người lao động), 27 (Quản lý sức khỏe người lao động)	Tương thích
XX	Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung năm 2023, 2024, 2025)		
1	Luật Quốc phòng quy định việc kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; quản lý hoạt động của lực lượng vũ trang và cơ sở quốc phòng.	Điều 2 (Đối tượng áp dụng); Điều 3 (Giải thích từ ngữ); Chương VI (An toàn, vệ sinh lao động đối với một số đối tượng đặc thù); các quy định về quản lý nhà nước đối với ATVSLĐ.	Cơ bản tương thích. Luật ATVSLĐ áp dụng đối với người lao động thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và các cơ quan, tổ chức có hoạt động lao động, đồng thời không làm thay đổi cơ chế quản lý chuyên ngành về quốc phòng. Việc bảo đảm ATVSLĐ trong các hoạt động quốc phòng được thực hiện đồng thời

			theo pháp luật về quốc phòng và pháp luật chuyên ngành. Kiến nghị: Tiếp tục rà soát để bảo đảm việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động thuộc phạm vi bí mật quốc phòng, công trình quốc phòng và nhiệm vụ quốc phòng phù hợp với Luật Quốc phòng.
XXI	Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 117/2025/QH15		
1	Luật quy định nguyên tắc xác định, quản lý, cung cấp, sử dụng, lưu giữ và bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ bí mật nhà nước.	Các quy định về khai báo, điều tra, báo cáo tai nạn lao động; cơ sở dữ liệu quốc gia về ATVSLĐ; chia sẻ, khai thác thông tin; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.	Cơ bản tương thích. Dự thảo Luật ATVSLĐ thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và chia sẻ thông tin phục vụ quản lý nhà nước nhưng không làm thay đổi chế độ bảo vệ bí mật nhà nước. Kiến nghị: Bổ sung nguyên tắc quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu theo hướng việc cung cấp, sử dụng thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước phải thực hiện theo Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước và pháp luật có liên quan; quy định rõ cơ chế phân quyền truy cập đối với dữ liệu điều

			tra tai nạn lao động thuộc diện mật.
XXIII	Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15		
1	Luật quy định việc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự; bảo đảm an toàn trong hoạt động tại khu vực quốc phòng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	Điều 2 (Đối tượng áp dụng); các quy định về bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc; điều tra tai nạn lao động; quản lý nhà nước về ATVSLĐ.	Tương thích. Luật ATVSLĐ điều chỉnh điều kiện lao động và bảo đảm an toàn cho người lao động, không điều chỉnh chế độ quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự. Các hoạt động lao động trong công trình quốc phòng đồng thời phải tuân thủ quy định chuyên ngành về quốc phòng. Kiến nghị: Bổ sung quy định dẫn chiếu hoặc nguyên tắc áp dụng đối với các hoạt động diễn ra trong công trình quốc phòng, khu quân sự nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành và yêu cầu bảo vệ quốc phòng.
XXIV	Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14		
1	- Luật quy định tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ; bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ.	Điều 2 (Đối tượng áp dụng); các quy định về bảo đảm ATVSLĐ đối với người lao động; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	Cơ bản tương thích. Luật ATVSLĐ chủ yếu điều chỉnh quan hệ lao động và các hoạt động lao động có phát sinh yếu tố

			nguy hiểm, yếu tố có hại; trong khi chế độ đối với dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ được điều chỉnh bởi Luật Dân quân tự vệ và các văn bản liên quan. Kiến nghị: Không cần sửa đổi nội dung lớn; trường hợp mở rộng đối tượng áp dụng cần rà soát để tránh chồng chéo với chế độ đặc thù của lực lượng dân quân tự vệ.
XV	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp		
1	Luật quy định hoạt động công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, động viên công nghiệp; quản lý cơ sở sản xuất quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn trong sản xuất, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm quốc phòng, an ninh.	Các quy định về kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; quản lý rủi ro; huấn luyện ATVSLĐ; điều tra tai nạn lao động; quản lý nhà nước về ATVSLĐ.	Cơ bản tương thích. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng, an ninh vẫn phải thực hiện các quy định về ATVSLĐ đối với người lao động, đồng thời tuân thủ các yêu cầu đặc thù về quốc phòng, an ninh và bảo vệ bí mật nhà nước. Kiến nghị: Bổ sung nguyên tắc áp dụng đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về bảo đảm an toàn, bảo mật thì thực hiện

			theo pháp luật chuyên ngành; các nội dung về điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo Luật ATVSLĐ.
--	--	--	--

3. Điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Luật

3.1. Tình hình gia nhập công ước của Việt Nam:

Việt Nam đã gia nhập 25 Công ước của ILO và được chia theo nhóm, lĩnh vực, gồm:

TT	Số công ước	Tên công ước	Loại công ước	Ngày thông qua	Việt Nam gia nhập/phê chuẩn	Tình trạng
Nhóm công ước cơ bản						
1	C029	Lao động cưỡng bức	Cơ bản	28/6/1930	05/3/2007	Còn hiệu lực
2	C098	Quyền tổ chức và thương lượng tập thể	Cơ bản	01/7/1949	05/7/2019	Còn hiệu lực
3	C100	Trả công bình đẳng	Cơ bản	29/6/1951	07/10/1997	Còn hiệu lực
4	C105	Xóa bỏ lao động cưỡng bức	Cơ bản	25/6/1957	14/7/2020	Còn hiệu lực
5	C111	Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp	Cơ bản	25/6/1958	07/10/1997	Còn hiệu lực
6	C138	Tuổi tối thiểu	Cơ bản	26/6/1973	24/6/2003	Còn hiệu lực
7	C182	Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất	Cơ bản	17/6/1999	19/12/2000	Còn hiệu lực
Nhóm công ước về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp						
8	C155	ATVSLĐ và môi trường lao động	Cơ bản	22/6/1981	03/10/1994	Còn hiệu lực

9	C187	Khung thúc đẩy ATVSLĐ	Cơ bản	15/6/2006	16/5/2013	Còn hiệu lực
Nhóm công ước quản trị						
10	C081	Thanh tra lao động	Quản trị	11/7/1947	03/10/1994	Còn hiệu lực
11	C122	Chính sách việc làm	Quản trị	09/7/1964	03/10/1994	Còn hiệu lực
12	C144	Tham vấn ba bên	Quản trị	21/6/1976	09/6/2008	Còn hiệu lực
Nhóm công ước kỹ thuật						
13	C005	Tuổi tối thiểu trong công nghiệp	Kỹ thuật	28/11/1919	03/10/1994	Đã bãi ước
14	C006	Lao động ban đêm của thanh niên trong công nghiệp	Kỹ thuật	28/11/1919	03/10/1994	Còn hiệu lực
15	C014	Nghỉ hằng tuần trong công nghiệp	Kỹ thuật	17/11/1921	03/10/1994	Còn hiệu lực
16	C027	Ghi trọng lượng kiện hàng vận chuyển bằng tàu	Kỹ thuật	21/6/1929	03/10/1994	Còn hiệu lực
17	C045	Lao động phụ nữ dưới lòng đất trong hầm mỏ	Kỹ thuật	21/6/1935	03/10/1994	Đã bị bãi bỏ (abrogated)
18	C080	Sửa đổi các điều khoản cuối cùng	Kỹ thuật	09/10/1946	03/10/1994	Còn hiệu lực
19	C088	Dịch vụ việc làm	Kỹ thuật	09/7/1948	23/01/2019	Còn hiệu lực
20	C116	Sửa đổi các điều khoản cuối cùng	Kỹ thuật	26/6/1961	03/10/1994	Còn hiệu lực
21	C120	Vệ sinh trong thương mại và văn phòng	Kỹ thuật	08/7/1964	03/10/1994	Còn hiệu lực
22	C123	Tuổi tối thiểu làm việc dưới lòng đất trong hầm mỏ	Kỹ thuật	22/6/1965	03/10/1994	Đã bãi ước
23	C124	Khám sức khỏe thanh niên làm việc dưới lòng đất trong hầm mỏ	Kỹ thuật	23/6/1965	03/10/1994	Còn hiệu lực

24	C159	Phục hồi chức năng lao động và việc làm cho người khuyết tật	Kỹ thuật	20/6/1983	25/3/2019	Còn hiệu lực
25	C186	Công ước Lao động hàng hải (MLC 2006)	Kỹ thuật	23/02/2006	08/5/2013	Còn hiệu lực

3.2. Kết quả rà soát

Kết quả rà soát cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về cơ bản phù hợp với các Công ước của ILO mà Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập có liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc cơ bản về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo vệ sức khỏe người lao động; thanh tra lao động; đối thoại xã hội; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; bảo vệ lao động nữ, lao động chưa thành niên và các nhóm lao động dễ bị tổn thương đã được nội luật hóa tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật hiện hành.

Qua rà soát, không phát hiện quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động trái hoặc không tương thích với các nghĩa vụ của Việt Nam theo các Công ước ILO mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

3.3. Kiến nghị xử lý kết quả rà soát:

Trên cơ sở kết quả rà soát, đề nghị xác định Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về cơ bản phù hợp với các Công ước của ILO mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động (nếu có), tiếp tục nghiên cứu, tham khảo các tiêu chuẩn lao động quốc tế và kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện các quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và các cam kết quốc tế.

3.4. So sánh, đánh giá các Công ước liên quan trực tiếp đến ATVSLĐ

3.4.1. Công ước số 155:

TT	Điều khoản (C155/P155)	Nội dung Công ước 155/P155	Quy định tương ứng tại Luật ATVSLĐ năm 2015	Đánh giá tính tương thích
1	C155 Điều 1-3	Quy định phạm vi áp dụng đối với các ngành hoạt động kinh tế; cho phép miễn trừ hạn chế	Điều 1; Điều 2; Điều 3	Tương thích

		kèm nghĩa vụ báo cáo; định nghĩa các thuật ngữ như “ngành hoạt động kinh tế”, “người lao động”, “nơi làm việc”, “pháp quy”, “sức khỏe”.		
2	C155 Điều 4-7	Yêu cầu xây dựng, thực hiện và định kỳ rà soát chính sách quốc gia về ATVSLĐ và môi trường làm việc nhằm phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	Điều 4, Điều 5.	Tương thích.
3	C155 Điều 8-10	Quốc gia phải ban hành biện pháp thi hành chính sách, bảo đảm thực thi bằng hệ thống thanh tra và chế tài thích hợp; có biện pháp hướng dẫn NSDLĐ, NLD tuân thủ pháp luật.	Chương VI, VII; Điều 90 Luật ATVSLĐ (Ngoài ra có Luật Thanh tra và Luật xử lý vi phạm hành chính các Nghị định liên quan)	Tương thích
4	C155 Điều 11	Thiết lập cơ chế điều tra, khai báo, thống kê, công bố thông tin về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các vấn đề liên quan.	Điều 34-37.	Tương thích.
5	C155 Điều 14	Thúc đẩy đưa nội dung ATVSLĐ và môi trường làm việc vào mọi cấp giáo dục và đào tạo.	Điều 13, 14 (Ngoài quy định Luật ATVSLĐ, nhiều trường đã đưa nội dung ATVSLĐ vào giảng dạy)	Tương thích

6	C155 Điều 16	NSDLĐ phải bảo đảm nơi làm việc, máy móc, thiết bị, quy trình lao động an toàn; kiểm soát yếu tố nguy hiểm, có hại; cung cấp phương tiện bảo vệ cá nhân khi cần thiết.	Điều 7; Chương II, Chương V.	Tương thích.
7	C155 Điều 17	Khi có nhiều đơn vị cùng hoạt động tại một nơi làm việc phải phối hợp bảo đảm ATVSLĐ.	Điều 66.	Tương thích.
8	C155 Điều 18	NSDLĐ phải có biện pháp ứng phó khẩn cấp, sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố.	Điều 7, Điều 16, Điều 19, Điều 78	Tương thích.
9	C155 Điều 19-20	NLĐ và đại diện NLĐ được tham vấn, cung cấp thông tin, huấn luyện; có quyền báo cáo nguy cơ mất an toàn và tham gia công tác ATVSLĐ.	Điều 5, Điều 6, Điều 8-11.	Tương thích.
10	C155 Điều 21	Người lao động không phải chịu chi phí đối với các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.	Điều 7	Tương thích.
11	P155 Điều 1(a)-(c)	- 1(a) Thuật ngữ "tai nạn lao động" bao gồm sự kiện phát sinh từ công việc hoặc xảy ra trong quá trình làm việc, dẫn đến thương tích gây tử vong hoặc không gây tử vong. ¹	Khoản 6, 7, 8, 9 Điều 3 (tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp; sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ; sự cố	Tương thích.

¹ “the term ‘occupational accident’ covers an occurrence arising out of, or in the course of, work which results in fatal or non-fatal injury”; “the term ‘occupational disease’ covers any disease contracted as a result of an exposure to risk factors arising from work activity”; “the term ‘dangerous occurrence’ covers a readily identifiable event, as

		1(b) Thuật ngữ "bệnh nghề nghiệp" bao gồm mọi bệnh phát sinh do người lao động tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ phát sinh từ hoạt động lao động. 1(c) Thuật ngữ "sự cố nguy hiểm" bao gồm một sự kiện có thể nhận biết rõ ràng, được xác định theo pháp luật và quy định của quốc gia, có khả năng gây thương tích hoặc bệnh tật cho người lao động hoặc cho cộng đồng.	ng nghiêm trọng về ATVSLĐ).	
	P155 Điều 1(d)	Thuật ngữ "tai nạn trên đường đi làm" (commuting accident) bao gồm tai nạn gây chết người hoặc gây thương tích xảy ra trên tuyến đường trực tiếp giữa nơi làm việc và: (i) nơi ở chính hoặc nơi ở phụ của người lao động; (ii) địa điểm mà người lao động thường dùng bữa ăn; hoặc (iii) địa điểm mà người lao động thường nhận tiền lương hoặc thù lao của mình.²	Điều 39, 45 (Quy định về tai nạn trên tuyến đường hợp lý từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc ngược lại để hưởng chế độ tai nạn lao động)	Tương thích.

defined under national laws and regulations, with potential to cause an injury or disease to persons at work or to the public”.

² “the term ‘commuting accident’ covers an accident resulting in death or personal injury occurring on the direct way between the place of work and: (i) the worker’s principal or secondary residence; (ii) the place where the worker usually takes a meal; or (iii) the place where the worker usually receives his or her remuneration”.

	P155 Điều 2	Cơ quan có thẩm quyền phải thiết lập và định kỳ rà soát các yêu cầu, thủ tục ghi chép, khai báo, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các sự cố liên quan (có thể bao gồm sự cố nguy hiểm, tai nạn đi lại và ca nghi ngờ bệnh nghề nghiệp.	Điều 34-37. (Trong thống kê bệnh nghề nghiệp hàng năm đã bao gồm cả các trường hợp chẩn đoán mắc (nghi ngờ) mắc; trước khi khám giám định)	Tương thích
	P155 Điều 3(a)(i)-(iv)	NSDLĐ phải ghi chép tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố nguy hiểm; cung cấp thông tin cho NLĐ; duy trì hồ sơ phục vụ phòng ngừa; không áp dụng biện pháp trả đũa hoặc kỷ luật người báo cáo.	Điều 34-37; Điểm b Khoản 1 Điều 6Khoản 5 Điều 12; Điểm b khoản 4 Điều 18	Tương thích
	P155 Điều 3(d)	Các biện pháp phù hợp phải được áp dụng nhằm bảo đảm bí mật đối với các dữ liệu cá nhân và dữ liệu y tế có trong các hồ sơ do người sử dụng lao động lưu giữ.	Không có quy định trực tiếp về nội dung này trong Luật ATVSLĐ (Việc bảo mật dữ liệu cá nhân và hồ sơ y tế nghề nghiệp quy định trong Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; Luật Dữ liệu năm 2024 và Nghị định 102/2025/NĐ-CP về quản lý dữ liệu y tế)	Tương thích
	P155 Điều 4-5	Quy định trách nhiệm thông báo tai nạn lao động, bệnh nghề	Luật quy định khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật (Điều	Tương thích.

		ngiệp; nội dung, thời hạn và cơ quan tiếp nhận thông báo.	34) và trách nhiệm thống kê, báo cáo (Điều 36, 37); có quy định Bộ Y tế thống kê trường hợp khám/điều trị và gửi tổng hợp (khoản 4 Điều 36).	
	P155 Điều 6-7	Quốc gia công bố thống kê đại diện toàn quốc hằng năm; áp dụng hệ thống phân loại phù hợp với các chuẩn quốc tế cập nhật.	Khoản 5 Điều 36 quy định thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn lao động; Điều 36, 37 quy định chế độ thống kê, báo cáo định kỳ.	Tương thích

Đánh giá

Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 đã nội luật hóa phần lớn các yêu cầu của Công ước số 155 và Nghị định thư năm 2002 của Công ước (P155), đặc biệt về chính sách quốc gia, trách nhiệm của người sử dụng lao động, quyền của người lao động, điều tra, khai báo, thống kê và báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Một số nội dung còn cần tiếp tục hoàn thiện gồm cơ chế bảo vệ người báo cáo, bảo mật dữ liệu y tế nghề nghiệp. Tuy nhiên, còn một số nội dung trong Công ước 155 chưa được quy định rõ trong Luật ATVSLĐ 2015 mà thể hiện qua các văn bản có liên quan trong hệ thống pháp luật như:

- **Định nghĩa về sức khỏe bao hàm yếu tố tinh thần:** Khái niệm "sức khỏe" tại Điều 3(d) Công ước số 155 bao gồm cả các yếu tố thể chất và tinh thần ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Luật ATVSLĐ năm 2015 không quy định trực tiếp nội dung này trong phần giải thích từ ngữ. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn thi hành về các yếu tố có hại đã bao gồm cả các yếu tố tâm lý - xã hội và ergonomics. Vì vậy, nội dung này về cơ bản đã được nội luật hóa nhưng chưa được thể hiện một cách trực tiếp, đầy đủ ngay trong Luật.

- **Sự thích nghi của công việc với tinh thần của người lao động:** Điều 5(b) của Công ước 155 yêu cầu chính sách quốc gia phải xét đến sự thích nghi của máy móc, thiết bị, đặc biệt là "thời gian làm việc" và "tổ chức lao động" với "khả năng thể chất và tinh thần của người lao động".

Tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho thấy, Điều 5(b) của Công ước số 155 được thể hiện gián tiếp trong các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và Bộ luật Lao động về bố trí công việc phù hợp với sức khỏe người lao động, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, bảo đảm thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và điều kiện lao động an toàn. Mặc dù pháp luật Việt Nam chưa quy định riêng về việc thiết kế công việc hoặc tổ chức lao động phù hợp với khả năng thể chất và tinh thần của người lao động theo cách diễn đạt của Công ước, nhưng các yêu cầu cốt lõi của Điều 5(b) về bảo vệ người lao động đã cơ bản được thực hiện thông qua hệ thống quy định hiện hành.

- **Nghĩa vụ xây dựng và cung cấp thông tin định kỳ ở cấp quốc gia:** Điều 11(e) Công ước số 155 và Điều 6-7 của Nghị định thư năm 2002 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công bố định kỳ thông tin, số liệu về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và xây dựng hệ thống thống kê phù hợp với các hệ thống phân loại quốc tế có liên quan. Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 đã thiết lập cơ chế khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH quy định việc quản lý, tổng hợp, cung cấp và công bố dữ liệu về tai nạn lao động. Trên thực tế, cơ quan quản lý nhà nước hằng năm đều công bố báo cáo quốc gia về tai nạn lao động và thực hiện chế độ báo cáo với ILO. Hệ thống thống kê hiện hành được xây dựng trên cơ sở các hệ thống phân loại chuyên ngành và phân loại kinh tế quốc gia có tham chiếu các chuẩn quốc tế liên quan. Do đó, nội dung này tương thích với yêu cầu của Công ước số 155 và Nghị định thư năm 2002.

- **Kiểm soát tác động cộng hưởng của nhiều yếu tố nguy hại:** Điều 11(b) Công ước số 155 yêu cầu xem xét các tác động có hại đối với sức khỏe phát sinh từ việc tiếp xúc đồng thời với nhiều chất hoặc nhiều tác nhân tại nơi làm việc. Pháp luật Việt Nam đã thiết lập hệ thống quan trắc môi trường lao động, đánh giá nguy cơ rủi ro nghề nghiệp và ban hành nhiều quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các yếu tố có hại khác nhau. Các quy định này cho phép nhận diện, đánh giá và kiểm soát các nguy cơ phát sinh từ môi trường lao động trên thực tế. Mặc dù các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành chủ yếu được xây dựng theo từng yếu tố nguy hại riêng lẻ, nhưng điều này không ảnh hưởng đến việc thực hiện yêu cầu của Điều 11(b) Công ước số 155 về xem xét các tác động đối với sức khỏe do tiếp xúc với nhiều tác nhân tại nơi làm việc.

- **Đưa nội dung an toàn, vệ sinh lao động và môi trường làm việc vào các cấp giáo dục và đào tạo:** Điều 14 Công ước số 155 yêu cầu thúc đẩy việc đưa nội dung an toàn, vệ sinh lao động và môi trường làm việc vào các cấp giáo dục và đào tạo. Pháp luật Việt Nam đã có các quy định về huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời trong thực tiễn đã triển khai đào tạo, giảng dạy nội dung an toàn, vệ sinh lao động tại nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Trước đây, các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 06/CP năm 1995 cũng đã đặt nền tảng cho việc phổ biến, đào tạo và huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động. Do đó, yêu cầu của Điều 14 về cơ bản đã được thực hiện trong hệ thống pháp luật và thực tiễn Việt Nam,

mặc dù chưa được quy định thành một chế định riêng theo cách diễn đạt của Công ước.

- **Bảo đảm bí mật đối với dữ liệu cá nhân và dữ liệu y tế:** P155 Điều 3(d) yêu cầu áp dụng các biện pháp phù hợp để bảo đảm bí mật đối với dữ liệu cá nhân và dữ liệu y tế trong các hồ sơ do người sử dụng lao động lưu giữ. Mặc dù Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 không quy định trực tiếp nội dung này, nhưng pháp luật Việt Nam hiện hành đã thiết lập khung pháp lý tương đối đầy đủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu y tế thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024 và Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 quy định quản lý dữ liệu y tế. Do đó, yêu cầu của Điều 3(d) Nghị định thư năm 2002 của Công ước số 155 về cơ bản đã được nội luật hóa.

3.4.2. So sánh với Công ước 187 về khung chính sách thúc đẩy an toàn, vệ sinh lao động (đã gia nhập, có hiệu lực vào năm 2015):

STT	Điều khoản C187	Nội dung tại Công ước 187	Quy định tương ứng tại Luật ATVSLĐ 2015	Đánh giá tính tương thích
1	Điều 1(a)-(c)	Định nghĩa “chính sách quốc gia”, “hệ thống quốc gia”, “chương trình quốc gia” về ATVSLĐ; nêu yêu cầu có mục tiêu, ưu tiên, phương tiện thực hiện và biện pháp đánh giá tiến triển.	Luật quy định “Chính sách của Nhà nước về ATVSLĐ” (Điều 4); quy định nội dung quản lý nhà nước gồm “xây dựng chương trình, hồ sơ quốc gia ATVSLĐ” (Điều 83); giao Bộ quản lý lao động chủ trì “chương trình quốc gia ATVSLĐ; lập hồ sơ quốc gia” (Điều 84).	Tương thích
2	Điều 1(d)	Định nghĩa “văn hoá an toàn và sức khoẻ phòng ngừa”: tôn trọng quyền được làm việc trong môi trường an toàn, lành mạnh; ưu tiên phòng ngừa và sự tham gia của các bên.	Điều 4, Điều 5, Điều 6 Luật ATVSLĐ quy định nguyên tắc phòng ngừa, quyền làm việc trong điều kiện ATVSLĐ và trách nhiệm của các bên liên quan	Tương thích
3	Điều 2(1)	Mục tiêu: thúc đẩy cải thiện không ngừng	Luật quy định nguyên tắc ưu tiên phòng	Tương thích.

		ATVSLĐ để ngăn chặn TNLĐ, BNN, tử vong do lao động; thực hiện thông qua xây dựng (có tham vấn) chính sách quốc gia, hệ thống quốc gia và chương trình quốc gia.	ngừa, loại trừ, kiểm soát yếu tố nguy hiểm/có hại (Điều 5 khoản 2) và tham vấn các tổ chức đại diện trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch ATVSLĐ (Điều 5 khoản 3). Điều 83, Điều 84 Luật ATVSLĐ quy định chính sách của Nhà nước, chương trình quốc gia và hồ sơ quốc gia về ATVSLĐ	
4	Điều 2(2)	Yêu cầu các bước đi chủ động hướng tới môi trường lao động an toàn, lành mạnh thông qua hệ thống và chương trình quốc gia phù hợp nguyên tắc của các văn kiện ILO.	Luật quy định chính sách khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và công nghệ tiên tiến để bảo đảm ATVSLĐ (Điều 4 khoản 1); quy định nội dung quản lý nhà nước về chương trình quốc gia ATVSLĐ (Điều 83, 84).	Tương thích
5	Điều 2(3)	Định kỳ xem xét các biện pháp có thể áp dụng để gia nhập các Công ước ILO liên quan ATVSLĐ (có tham vấn).	Nội dung thuộc cơ chế xây dựng, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Nhà nước; không được quy định trong Luật ATVSLĐ.	Không có quy định tương ứng trong Luật ATVSLĐ
6	Điều 3(1)	Chính sách quốc gia nhằm tăng cường môi trường làm việc an toàn và lành mạnh.	Luật quy định chính sách của Nhà nước về ATVSLĐ (Điều 4) và nguyên tắc bảo đảm quyền làm việc trong điều kiện ATVSLĐ (Điều 5).	Tương thích.

7	Điều 3(2)	Tăng cường và thúc đẩy quyền của người lao động được làm việc trong môi trường lao động an toàn và lành mạnh ở tất cả các cấp.	Luật quy định quyền của NLD (Điều 6) và nguyên tắc bảo đảm quyền làm việc an toàn (Điều 5 khoản 1).	Tương thích.
8	Điều 3(3)	Chính sách quốc gia phải tăng cường nguyên tắc: đánh giá rủi ro/nguy cơ nghề nghiệp; phòng trừ tại nguồn; xây dựng văn hóa phòng ngừa gồm thông tin, tư vấn và huấn luyện.	Luật quy định ưu tiên phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát yếu tố nguy hiểm/có hại (Điều 5 khoản 2); quy định huấn luyện ATVSLĐ (Điều 14); quy định thông tin, tuyên truyền về ATVSLĐ (Điều 8).	Tương thích
9	Điều 4(1)	Thiết lập, duy trì, phát triển không ngừng và định kỳ xem xét hệ thống quốc gia về ATVSLĐ; có tham vấn tổ chức đại diện NSDLĐ/NLD.	Luật quy định nội dung quản lý nhà nước về ATVSLĐ (Điều 83) và tham vấn ý kiến các tổ chức đại diện trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch (Điều 5 khoản 3).	Tương thích
10	Điều 4(2)(a)-(d)	Hệ thống quốc gia phải gồm: (a) luật/quy định và văn kiện liên quan; (b) cơ quan chức trách/tổ chức chịu trách nhiệm; (c) cơ chế bảo đảm tuân thủ gồm thanh tra; (d) bố trí để tăng cường hợp tác giữa quản lý-NLD - đại diện ở cấp doanh nghiệp.	Luật quy định hệ thống pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước (Chương VII; Điều 83-87); quy định thanh tra ATVSLĐ (Điều 89, 90); quy định Hội đồng ATVSLĐ cơ sở (Điều 75) và cơ chế tham gia của công đoàn, đại diện tập thể NLD (Điều 10, Điều 75).	Tương thích.
11	Điều 4(3)(a)-	Khi phù hợp, hệ thống quốc gia bao gồm cơ chế ba bên, thông tin,	Luật quy định Hội đồng quốc gia và Hội đồng cấp tỉnh về	Tương thích một phần (Luật bao

	(h) (tùy phù hợp)	huấn luyện, dịch vụ y tế lao động, nghiên cứu, thống kê, bảo hiểm và hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ; cơ chế hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ cho DN vi mô và khu vực kinh tế không chính thức.	ATVSLĐ (Điều 88) và Hội đồng ATVSLĐ cơ sở (Điều 75); quy định thông tin, tuyên truyền (Điều 8); huấn luyện (Điều 14); chăm sóc sức khỏe NLĐ và phòng chống BNN (Chương III); thống kê, báo cáo, cơ sở dữ liệu TNLĐ/BNN (Điều 36, 37); quy định bảo hiểm TNLĐ, BNN và hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ (Chương V).	phủ nhiều cầu phân; phạm vi “hỗ trợ cho DN vi mô và khu vực kinh tế không chính thức” được thể hiện ở chính sách hỗ trợ/đối tượng áp dụng nhưng không tổ chức thành một “cơ chế hỗ trợ” như cấu trúc C187). Chưa quy định cụ thể dịch vụ tư vấn về ATVSLĐ
12	Điều 5(1)	Xây dựng, thực hiện, kiểm soát, đánh giá và định kỳ xem xét chương trình quốc gia về ATVSLĐ; có tham vấn tổ chức đại diện NSDLĐ/NLĐ.	Luật giao Bộ quản lý nhà nước về lao động chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, kế hoạch, chương trình quốc gia ATVSLĐ; lập hồ sơ quốc gia (Điều 84 khoản 1); quy định tham vấn trong xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch (Điều 5 khoản 3).	Tương thích
13	Điều 5(2)(a)-(d)	Chương trình quốc gia: (a) thúc đẩy văn hóa phòng ngừa; (b) góp phần bảo vệ NLĐ qua loại trừ/giảm thiểu nguy cơ-rủi ro;	Luật quy định nguyên tắc phòng ngừa và kiểm soát yếu tố nguy hiểm/có hại (Điều 5); quy định thống kê, báo cáo, cơ sở dữ liệu phục	Tương thích

		(c) xây dựng và rà soát dựa trên phân tích tình hình quốc gia (kể cả phân tích hệ thống quốc gia); (d) có mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ báo tiến độ.	vụ đánh giá tình hình TNLD/BNN (Điều 36, 37); nội dung quản lý nhà nước gồm theo dõi thống kê, xây dựng chương trình và hồ sơ quốc gia (Điều 83).	
--	--	--	---	--

Đánh giá:

Qua đối chiếu cho thấy Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và hệ thống pháp luật liên quan của Việt Nam tương thích với các yêu cầu cơ bản của Công ước số 187 về Khung thúc đẩy an toàn, vệ sinh lao động. Các nội dung về chính sách quốc gia, hệ thống quốc gia, chương trình quốc gia, cơ chế ba bên, thanh tra, huấn luyện, thống kê, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thúc đẩy văn hóa phòng ngừa đã được nội luật hóa tương đối đầy đủ. Riêng Điều 2(3) của Công ước liên quan đến việc định kỳ xem xét khả năng gia nhập các công ước ILO về ATVSLĐ là nội dung thuộc cơ chế điều ước quốc tế của Nhà nước và không được quy định trong Luật ATVSLĐ.

Ngoài ra, có một số nội dung trong Công ước 187 chưa được quy định rõ trong Luật ATVSLĐ 2015 mà thể hiện qua các văn bản có liên quan trong hệ thống pháp luật như:

- Văn hóa an toàn và sức khỏe phòng ngừa: Điều 1(d) có đưa ra định nghĩa Văn hóa an toàn và sức khỏe phòng ngừa. Mặc dù Luật không sử dụng thuật ngữ "văn hóa an toàn và sức khỏe phòng ngừa", nhưng các nguyên tắc về quyền được làm việc an toàn, ưu tiên phòng ngừa và sự tham gia của các bên đã được thể hiện trong Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Luật; đồng thời cụm từ này đã được viết hóa qua cụm từ “văn hóa an toàn trong lao động”³.

- Về định kỳ xem xét hệ thống quốc gia: Điều 4(1) Công ước số 187 yêu cầu quốc gia thành viên thiết lập, duy trì, từng bước phát triển và định kỳ rà soát hệ thống quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trên cơ sở tham vấn các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động.

Pháp luật Việt Nam đã thiết lập hệ thống quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; quy định việc xây dựng, thực hiện và đánh giá Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động, Hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời bảo đảm cơ chế tham vấn các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động trong quá trình xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình và kế hoạch về an toàn, vệ sinh lao động. Việc rà soát, cập nhật hệ thống quốc gia được thực hiện thông qua quá trình xây dựng, đánh giá và điều chỉnh các chương trình, chính sách

³ Thường không đưa ra định nghĩa về văn hóa trong Luật, như văn hóa giao thông, văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp...

và hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. Do đó, không cần phải quy định cụ thể “rà soát định kỳ” trong Luật.

- Về dịch vụ tư vấn và cơ chế hỗ trợ cải thiện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp vi mô và khu vực kinh tế không chính thức: Điều 4(3)(a)-(h) Công ước số 187 quy định hệ thống quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động, khi phù hợp, có thể bao gồm các dịch vụ thông tin, tư vấn, huấn luyện, y tế lao động, nghiên cứu, thống kê, bảo hiểm và các cơ chế hỗ trợ cải thiện điều kiện lao động cho doanh nghiệp vi mô và khu vực kinh tế không chính thức.

Qua rà soát cho thấy, hệ thống quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động của Việt Nam đã bao gồm các thiết chế ba bên, hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện, dịch vụ y tế lao động, thống kê, cơ sở dữ liệu, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động. Đối với khu vực doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và khu vực không có quan hệ lao động, pháp luật hiện hành cũng đã có các chính sách hỗ trợ về thông tin, huấn luyện, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Riêng nội dung “dịch vụ tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động” chưa được quy định thành một điều khoản hoặc loại hình dịch vụ độc lập trong Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015. Tuy nhiên, các hoạt động tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật hiện đang được thực hiện thông qua hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức huấn luyện, tổ chức quan trắc môi trường lao động, cơ sở y tế lao động và các hoạt động thông tin, tuyên truyền. Do đó, nội dung này về cơ bản phù hợp với yêu cầu của Công ước số 187; trong thời gian tới có thể nghiên cứu hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn chuyên sâu về an toàn, vệ sinh lao động qua việc bổ sung nội dung này vào chính sách khuyến khích và các hoạt động thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động

3.4.3. So sánh với Công ước số 120 Vệ sinh trong thương mại và văn phòng (đã gia nhập):

STT	Điều khoản C120	Nội dung tại Công ước 120	Quy định tương ứng tại Luật ATVSLĐ 2015	Đánh giá tính tương thích
1	Điều 1–3	Xác định phạm vi áp dụng đối với cơ sở thương mại và cơ sở chủ yếu làm công việc văn phòng; cơ chế miễn áp dụng trong một số trường hợp.	Luật ATVSLĐ năm 2015 quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo hướng bao quát mọi ngành, nghề, lĩnh vực có sử dụng lao động (Điều 1, Điều 2).	Tương thích một phần (C120 được thiết kế riêng cho thương mại và văn phòng, trong khi Luật ATVSLĐ là luật khung áp dụng chung).

2	Điều 5	Việc xây dựng và thực hiện pháp luật phải có tham vấn tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động.	Nguyên tắc bảo đảm ATVSLĐ quy định tham vấn ý kiến tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện NSDLĐ, Hội đồng ATVSLĐ các cấp trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch ATVSLĐ (Điều 5 khoản 3).	Tương thích.
3	Điều 6	Có biện pháp bảo đảm thực hiện hiệu quả Công ước, bao gồm cơ chế thanh tra và chế tài xử lý vi phạm.	Điều 89, Điều 90 Luật ATVSLĐ quy định thanh tra chuyên ngành ATVSLĐ và xử lý vi phạm pháp luật về ATVSLĐ. (Hiện nay đã chuyển mô hình mới theo Luật Thanh tra, nhưng vẫn không thay đổi chức năng và nhiệm vụ phải thực hiện)	Tương thích.
4	Điều 7	Nơi làm việc và trang thiết bị phải được duy trì trong tình trạng tốt, sạch sẽ và hợp vệ sinh.	Luật quy định NSDLĐ phải bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về các yếu tố theo quy chuẩn kỹ thuật và cải thiện điều kiện lao động (Điều 16 khoản 1, khoản 4).	Tương thích
5	Điều 8, 9,10	Địa điểm để NLĐ sử dụng phải thoáng đãng tự nhiên hoặc thông gió nhân tạo (hoặc cả hai) ánh sáng đủ mức; nhiệt độ.	Điều 16 khoản 1 Luật ATVSLĐ quy định nơi làm việc phải đáp ứng các yêu cầu về độ thoáng, vi khí hậu, chiếu sáng, tiếng ồn, rung và các yếu tố khác theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.	Tương thích.

8	Điều 11	Bố trí nơi làm việc tránh gây ảnh hưởng có hại đến sức khỏe người lao động.	Điều 16 khoản 4 yêu cầu kiểm tra, đánh giá yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và áp dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật để loại trừ/giảm thiểu; Điều 23 khoản 2 yêu cầu giải pháp công nghệ, kỹ thuật để loại trừ/hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.	Tương thích.
9	Điều 12	Bảo đảm đủ nước uống hoặc đồ uống hợp vệ sinh cho người lao động.	Luật chỉ quy định chung trách nhiệm của NSDLĐ trong việc bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc (Điều 7, Điều 16); Yêu cầu về nước uống và nước sinh hoạt hợp vệ sinh chỉ là một trong những nội dung bảo đảm điều kiện lao động, vệ sinh lao động. Nội dung này cũng gắn với các giải pháp chăm lo cải thiện điều kiện lao động thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn (Điều 9)	Tương thích.
10	Điều 13	Bảo đảm đủ buồng tắm, nhà vệ sinh phù hợp và được duy trì sạch sẽ.	Điều 16 khoản 1 quy định bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của B/ộ trưởng Bộ Y tế.	Tương thích.
11	Điều 14	Phải có đủ chỗ ngồi thích hợp cho NLĐ và họ có thể sử dụng trong chừng mực vừa phải.	Luật chỉ quy định chung trách nhiệm của NSDLĐ trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi	Tương thích.

			làm việc (Điều 7, Điều 16); không quy định trực tiếp về “chỗ ngồi”. Chỗ ngồi chỉ là yêu cầu cụ thể khi bố trí nơi làm việc, bảo đảm điều kiện lao động	
12	Điều 15	Phải có tiện nghi thay áo quần, cất giữ và hong phơi quần áo không mặc trong khi làm việc; giữ gìn tốt, sạch sẽ.	Luật chỉ quy định chung trách nhiệm của NSDLĐ trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc (Điều 7, Điều 16); không có quy định tương ứng trực tiếp về “tiện nghi thay đồ/cất giữ/hong phơi” Mặt khác, chỉ là một trong những nội dung bảo đảm điều kiện lao động, phúc lợi của cơ sở. Nội dung này cũng gắn với các giải pháp chăm lo cải thiện điều kiện lao động thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn (Điều 9)	Tương thích
13	Điều 16	Địa điểm dưới mặt đất và địa điểm không có cửa sổ đang làm việc bình thường phải đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh thích đáng.	Không thấy quy định tương ứng trực tiếp về “địa điểm dưới mặt đất/không có cửa sổ” trong các điều khoản của Luật ATVSLĐ 2015 đã đối chiếu.	Chưa thấy quy định tương thích (theo nguồn đối chiếu).
14	Điều 17	Biện pháp bảo vệ NLĐ khỏi tác động của chất/phương pháp sản xuất bất tiện, có hại, độc hoặc nguy hiểm; nếu cần cơ quan có thẩm	Điều 16 khoản 4 yêu cầu kiểm tra, đánh giá yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và áp dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật; Điều 23 quy định trang cấp phương	Tương thích.

		quyền quy định dùng phương tiện phòng hộ cá nhân.	tiện bảo vệ cá nhân, nguyên tắc trang cấp (không phát tiền thay, không buộc NLD tự mua...).	
15	Điều 18	Giảm thiểu tình trạng ồn, rung có thể gây tác hại cho NLD bằng biện pháp thích ứng và thiết thực.	Điều 16 khoản 1 quy định nơi làm việc phải đạt yêu cầu về “ồn, rung ...” theo quy chuẩn kỹ thuật liên quan và định kỳ kiểm tra, đo lường.	Tương thích.
16	Điều 19	Cơ sở thuộc phạm vi áp dụng phải có bệnh xá/trạm sơ cứu riêng hoặc chung, hoặc có tủ/hộp/túi thuốc sơ cứu (tùy quy mô và rủi ro).	Luật quy định kịp thời sơ cứu, cấp cứu cho NLD bị tai nạn lao động và tạm ứng chi phí (Điều 38 khoản 1); quy định kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải có biện pháp sơ cứu, cấp cứu (Điều 78 khoản 2 điểm b); quy định tổ chức lực lượng ứng cứu và huấn luyện sơ cứu, cấp cứu (Điều 79).	Tương thích

Đánh giá:

Qua đối chiếu cho thấy phần lớn các yêu cầu của Công ước số 120 về vệ sinh trong thương mại và văn phòng đã được nội luật hóa trong Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, môi trường lao động và điều kiện làm việc. Về cơ bản tương thích với các yêu cầu của Công ước số 120.

3.4.4. So sánh với Công ước số 121 về Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (công ước chưa gia nhập)

STT	Điều khoản C121	Nội dung tại Công ước 121	Quy định tương ứng tại Luật ATVSLĐ 2015	Đánh giá tính tương thích
1	Điều 1	Giải thích thuật ngữ: “luật pháp” bao gồm quy định, luật và quy chế bảo hiểm xã hội;	Luật ATVSLĐ có Chương I quy định chung, trong đó có giải thích từ ngữ (Điều 3) và	Tương thích

		“theo luật định”; định nghĩa một số thuật ngữ (ví dụ: cơ sở sản xuất công nghiệp; phụ thuộc; trẻ ăn theo...).	quy định chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của quỹ BHXH (Điều 41).	
2	Điều 6	Nêu các “chế độ trợ cấp” liên quan tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gồm: (a) tình trạng sức khỏe kém; (b) mất thu nhập do không thể làm việc; (c) mất hoàn toàn hoặc một phần khả năng tạo thu nhập do thương tật; (d) thân nhân mất nguồn hỗ trợ do người lao động chết.	Luật ATVSLĐ không chỉ quy định trợ cấp từ Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN Mục 3 Chương III, gồm điều kiện hưởng tai nạn lao động/bệnh nghề nghiệp – Điều 45, 46 và các chế độ trợ cấp). mà còn quy định trách nhiệm bồi thường, trợ cấp của người sử dụng lao động Điều 38, 39, nên phạm vi bảo vệ rộng hơn yêu cầu tối thiểu của Công ước.	Tương thích (Luật có nhóm chế độ tương ứng: chăm sóc/chi phí y tế, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp tử tuất...).
3	Điều 7	Yêu cầu định nghĩa “tai nạn lao động”, trong đó nêu điều kiện để tai nạn giao thông được coi là tai nạn lao động; trường hợp tai nạn giao thông đã được bao phủ trong bảo hiểm xã hội với mức tương đương thì không cần đưa vào định nghĩa tai nạn lao động.	Luật quy định điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động, trong đó có trường hợp tai nạn xảy ra trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý (Điều 45).	Tương thích
4	Điều 8	Yêu cầu quốc gia xác định bệnh nghề nghiệp theo một trong các phương thức: (a) danh mục (bao gồm tối thiểu các bệnh trong Bảng I); hoặc (b) định	Luật quy định thống kê, báo cáo bệnh nghề nghiệp (Điều 37) và điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp dựa trên Danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ	Tương thích (Luật áp dụng phương thức “danh mục bệnh nghề nghiệp”).

		nghĩa chung bao trùm các bệnh trong Bảng I; hoặc (c) kết hợp danh mục và định nghĩa/điều khoản xác định nguồn gốc bệnh ngoài danh mục.	trưởng Bộ Y tế ban hành (Điều 46).	
5	Điều 9 (khoản 1–2)	Quy định các nước thành viên phải cung cấp: (a) chăm sóc sức khỏe và trợ cấp đi kèm cho người bị ảnh hưởng sức khỏe; (b) trợ cấp bằng tiền cho các trường hợp mất thu nhập, suy giảm khả năng lao động và tử vong; quyền hưởng không phụ thuộc thời gian làm việc/đóng góp (có lưu ý riêng với bệnh nghề nghiệp có thời gian làm việc).	Luật quy định: (i) trách nhiệm NSDLĐ chi trả chi phí y tế, sơ cứu, cấp cứu và bồi thường/trợ cấp (Điều 38); (ii) chế độ từ Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN: Quỹ do NSDLĐ đóng (Điều 41–44), chi trả chế độ theo điều kiện hưởng (Điều 45, 46) và các khoản chi của Quỹ (trong Mục 3).	Tương thích
6	Điều 12	Chăm sóc y tế và trợ cấp đi kèm (tối thiểu) gồm: chữa trị đa khoa (kể cả thăm nhà), chữa trị chuyên khoa, thuốc theo đơn, nhập viện khi cần; và trong mọi trường hợp có thể, cấp cứu ngay tại nơi làm việc.	Luật quy định nghĩa vụ NSDLĐ: kịp thời sơ cứu, cấp cứu và tạm ứng chi phí; thanh toán chi phí y tế từ sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định (Điều 38).	Tương thích (Luật có cơ chế chi trả/đảm bảo sơ cứu, cấp cứu và điều trị).

Đánh giá:

Qua đối chiếu cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và hệ thống pháp luật bảo hiểm xã hội hiện hành có nhiều quy định tương đồng và về cơ bản phù hợp với các tiêu chuẩn của Công ước số 121 về trợ cấp trong trường hợp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã thiết lập đầy đủ các chế độ chăm sóc y tế, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp tử tuất và các quyền lợi liên quan đối với người lao động và thân nhân, đáp ứng yêu cầu của Công ước số 121.

3.4.5. So sánh với Công ước số 111 phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp (đã gia nhập); Công ước số 45 về sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới lòng đất năm 1935 (đã gia nhập); Công ước số 123 về độ tuổi tối thiểu được làm các công việc dưới lòng đất (đã gia nhập); Công ước số 29 về lao động cưỡng bức năm 1930 (đã gia nhập).

TT	Công ước	Mức độ liên quan đến Luật ATVSLĐ	Quy định tương ứng/chủ yếu	Đánh giá
1	C029 - Lao động cưỡng bức	Gián tiếp	Luật ATVSLĐ không đặt ra nghĩa vụ lao động cưỡng bức; quy định bảo vệ NLĐ trong điều kiện làm việc an toàn	Phù hợp
2	C098 - Quyền tổ chức và thương lượng tập thể	Gián tiếp	Luật ATVSLĐ có cơ chế tham vấn, vai trò công đoàn, Hội đồng ATVSLĐ cơ sở	Phù hợp
3	C100 - Trả công bình đẳng	Ít liên quan trực tiếp	Luật ATVSLĐ trung lập về giới; không quy định phân biệt về quyền ATVSLĐ	Phù hợp
4	C105 - Xóa bỏ lao động cưỡng bức	Gián tiếp	Luật ATVSLĐ không tạo nghĩa vụ lao động cưỡng bức; bảo đảm quyền từ chối/rời bỏ nơi làm việc khi có nguy cơ nghiêm trọng	Phù hợp
5	C111 - Không phân biệt đối xử	Có liên quan	Quy định ATVSLĐ áp dụng bình đẳng; khác biệt nếu có dựa trên yêu cầu bảo vệ sức khỏe, an toàn	Phù hợp
6	C138 - Tuổi tối thiểu	Có liên quan	Luật ATVSLĐ dẫn chiếu/đồng bộ với quy định về lao động chưa thành niên trong Bộ luật Lao động	Phù hợp

7	C182 - Xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất	Có liên quan	Cấm sử dụng lao động chưa thành niên trong công việc nguy hiểm, độc hại theo pháp luật lao động	Phù hợp
8	C081 - Thanh tra lao động	Trực tiếp	Điều 83, 89, 90 Luật ATVSLĐ; Luật Thanh tra 2025 về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm	Cơ bản tương thích
9	C122 - Chính sách việc làm	Gián tiếp	Luật ATVSLĐ góp phần bảo đảm việc làm bền vững, an toàn, lành mạnh	Phù hợp
10	C144 - Tham vấn ba bên	Có liên quan	Điều 5 khoản 3 Luật ATVSLĐ quy định tham vấn tổ chức đại diện NLĐ, NSDLĐ, Hội đồng ATVSLĐ	Tương thích
11	C005 - Tuổi tối thiểu trong công nghiệp	Có liên quan lịch sử	Nội dung hiện được bao phủ bởi C138 và pháp luật về lao động chưa thành niên	ILO đã bãi bỏ; không cần đối chiếu sâu
12	C006 - Lao động ban đêm của thanh niên trong công nghiệp	Có liên quan	Quy định về lao động chưa thành niên, thời giờ làm việc, công việc cấm/hạn chế	Phù hợp
13	C014 - Nghỉ hằng tuần trong công nghiệp	Gián tiếp	Chủ yếu thuộc Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; Luật ATVSLĐ không mâu thuẫn	Phù hợp
14	C027 - Ghi trọng lượng kiện hàng vận chuyển bằng tàu	Có liên quan kỹ thuật	Liên quan phòng ngừa rủi ro do mang vác, xếp dỡ; được điều chỉnh qua quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành	Phù hợp

15	C045 - Lao động phụ nữ dưới lòng đất	Có liên quan lịch sử	Nội dung bảo vệ lao động nữ, công việc cấm/hạn chế đã được quy định trong pháp luật lao động	ILO đã bãi bỏ; không cần đối chiếu sâu
16	C080 - Sửa đổi điều khoản cuối cùng	Không có nội dung ATVSLĐ thực chất	Công ước kỹ thuật về điều khoản cuối cùng của văn kiện ILO	Không đặt ra yêu cầu đối chiếu với Luật ATVSLĐ
17	C088 - Dịch vụ việc làm	Gián tiếp	Không điều chỉnh ATVSLĐ trực tiếp; liên quan việc làm bền vững, tư vấn việc làm	Không mâu thuẫn
18	C116 - Sửa đổi điều khoản cuối cùng	Không có nội dung ATVSLĐ thực chất	Công ước kỹ thuật về điều khoản cuối cùng	Không đặt ra yêu cầu đối chiếu với Luật ATVSLĐ
19	C123 - Tuổi tối thiểu làm việc dưới lòng đất	Có liên quan trực tiếp	Quy định về lao động chưa thành niên, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, dưới lòng đất	Phù hợp
20	C124 - Khám sức khỏe thanh niên làm việc dưới lòng đất	Có liên quan trực tiếp	Luật ATVSLĐ quy định khám sức khỏe, quản lý sức khỏe NLĐ, phòng chống bệnh nghề nghiệp	Phù hợp
21	C159 - Phục hồi chức năng lao động và việc làm cho người khuyết tật	Có liên quan	Luật ATVSLĐ có chế độ phục hồi chức năng, hỗ trợ chuyển đổi nghề, bảo hiểm TNLĐ, BNN	Tương thích
22	C186 - Lao động hàng hải, MLC 2006	Có liên quan chuyên ngành	Một phần liên quan ATVSLĐ, chăm sóc y tế, điều kiện sống và làm việc của thuyền viên; chủ yếu	Phù hợp, cần đối chiếu thêm luật chuyên ngành

			thuộc pháp luật hàng hải và lao động	
--	--	--	---	--

Đánh giá: Ngoài C155, C187 và C120 đã được đối chiếu riêng, các công ước còn lại chủ yếu liên quan đến Luật ATVSLĐ theo 4 nhóm: thanh tra, không phân biệt đối xử và bảo vệ nhóm lao động đặc thù, lao động chưa thành niên, phục hồi chức năng sau tai nạn lao động/bệnh nghề nghiệp. Nhìn chung, Luật ATVSLĐ hiện hành không có quy định mâu thuẫn và về cơ bản phù hợp với các nghĩa vụ liên quan./.